

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3 NĂM 2016

Hải Phòng, tháng 10 năm 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05 - 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động quý 3 năm 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 1/7/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Mẫu số B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.848.720.566.659	1.703.846.776.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	894.347.545.789	1.043.069.462.202
1. Tiền	111		373.826.024.529	67.411.912.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		520.521.521.260	975.657.549.933
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	460.045.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121		460.045.000.000	
III. Phải thu ngắn hạn	130		22.219.823.051	189.082.802.889
1. Phải thu khách hàng	131	7	12.838.727.363	19.629.420.092
2. Trả trước cho người bán	132	8	4.162.536.067	159.789.484.589
3. Các khoản phải thu khác	133		5.218.559.621	9.663.898.208
IV. Hàng tồn kho	140	9	460.434.808.627	468.483.639.941
1. Hàng tồn kho	141		462.022.488.010	469.800.103.758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.587.679.383)	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.673.389.192	3.210.871.735
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		66.818.181	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.606.571.011	3.210.871.735
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153			
B Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1.254.536.311.381	1.061.001.447.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.463.234.608	7.055.162.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.463.234.608	7.055.162.263
- Nguyên giá	222		8.307.479.215	8.101.880.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.844.244.607)	(1.046.718.537)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.248.042.748.350	1.053.888.652.384
1. Đầu tư góp vốn vào công ty con	251		463.692.595.606	478.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		786.322.400.000	578.322.400.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.972.247.256)	(3.383.747.616)
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.328.423	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		30.328.423	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.103.256.878.040	2.764.848.224.281

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		81,266,343,611	149,578,981,975
I. Nợ ngắn hạn	310		81,266,343,611	149,578,981,975
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	11	2,975,577,915	
3. Người mua trả tiền trước	313	12	20,404,155,547	17,724,239,220
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1,768,953,477	374,842,534
6. Chi phí phải trả người lao động	316			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	47,081,897,000	47,246,460,550
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		619,056,390	811,736,389
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321			75,000,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8,416,703,282	8,421,703,282
II. Nợ dài hạn	330			-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		3,021,990,534,429	2,615,269,242,306
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	14	3,021,990,534,429	2,615,269,242,306
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,747,440,630,000	2,330,904,280,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			2,747,440,630,000	2,330,904,280,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139,290,925,591	124,532,011,543
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413		19,572,915,034	19,572,915,034
4. Cổ phiếu quỹ	415		(42,082,508,146)	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415		157,768,571,950	140,260,035,729
'-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			23,723,685,729	25,449,803,773
'- LNST chưa phân phối kỳ này			134,044,886,221	114,810,231,956
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,103,256,878,040	2,764,848,224,281



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016		Năm 2015	
			Quý 3	Lũy kế đến 30/09/2016	Quý 3	Lũy kế đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	172.775.170.903	720.211.216.331	465.737.572.384	1.436.494.644.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		172.775.170.903	720.211.216.331	465.737.572.384	1.436.494.644.391
4. Giá vốn hàng bán	11	16	161.532.454.599	636.434.682.555	392.187.165.281	1.213.462.171.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.242.716.304	83.776.533.776	73.550.407.103	223.032.472.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	13.220.408.029	62.825.465.540	2.299.819.874	71.314.915.825
7. Chi phí tài chính	22	18	15.858.000	(826.327.560)	1.585.233.735	11.976.093.893
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			487.500.000	1.585.233.735	5.766.082.215
8. Chi phí bán hàng	24		1.081.770.859	3.024.983.520	1.171.028.228	(2.762.131.097)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		761.361.617	2.921.671.261	1.020.623.117	7.376.979.403
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		22.604.133.857	141.481.672.095	72.073.341.897	277.756.446.416
11. Thu nhập khác	31		1.613.859.358	1.783.859.358	1.056.731.818	5.646.403.552
12. Chi phí khác	32			917.239.694	1.038.517.953	1.038.925.953
13. Lợi nhuận khác	40		1.613.859.358	866.619.664	18.213.865	4.607.477.599
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.217.993.215	142.348.291.759	72.091.555.762	282.363.924.015
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.966.853.477	8.303.405.538	1.335.000.000	2.823.245.839
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		21.251.139.738	134.044.886.221	70.756.555.762	279.540.678.176



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 10 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	142.348.291.759	282.363.924.015
2. Điều chỉnh cho các khoản			
-Khấu hao TSCĐ	02	797.526.070	585.877.308
- Các khoản dự phòng	3	280.894.565	960.000.000
-Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(62.941.763.940)	(70.737.814.869)
- Chi phí lãi vay	06	487.500.000	5.766.082.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.972.448.454	218.938.068.669
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	163.471.553.699	(15.451.523.499)
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.777.615.748	(274.971.576.058)
-Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.029.171.334	(601.587.525.696)
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(39.513.737)	(54.139.476)
-Tiền lãi vay đã trả	13	(487.500.000)	(5.766.082.215)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.911.394.595)	(2.823.245.839)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(246.085.952)	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(481.264.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	248.566.294.951	(682.197.288.114)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(598.305.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.056.731.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.280.820.000.000)	(785.749.369.954)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	820.775.000.000	1.204.299.369.954
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(40.660.652.614)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.839.296.782	70.719.426.881
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(595.205.703.218)	449.067.200.630

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(42.082.508.146)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		808.097.031.980
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(659.893.891.980)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168.361.798.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	197.917.491.854	(20.158.658.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(148.721.916.413)	(253.288.745.484)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.043.069.462.202	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	894.347.545.789	253.291.794.090



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99.78	99.78	Kinh doanh ô tô

Công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46.35	46.35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48.50	48.50	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ;
- Công ty sở hữu 99,78% Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang do đó Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàn Giang là bên liên quan.
- Các công ty liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của

Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6

năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08
Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.



Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	373.826.024.529	67.411.912.269
Các khoản tương đương tiền (*)	520.521.521.260	975.657.549.933
Cộng	894.347.545.789	1.043.069.462.202

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	460.045.000.000	460.045.000.000		
Cộng	460.045.000.000	460.045.000.000	-	-

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
		Dự phòng VND		Dự phòng VND
		30/09/2016		01/01/2016
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463.692.595.606	-	478.950.000.000	478.950.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786.322.400.000	1.972.247.256	578.322.400.000	574.938.652.384
Cộng	1.250.014.995.606	1.972.247.256	1.057.272.400.000	1.053.888.652.384
(1) Đầu tư vào công ty con				

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99,78	99,78

Đầu tư vào công ty liên kết

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	262.522.400.000	262.522.400.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	288.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	786.322.400.000	578.322.400.000

(*) Trong năm Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30/09/2016 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	12.480.727.363	19.629.420.092
Khách lẻ	358.000.000	
Cộng	12.838.727.363	19.629.420.092

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Dongfeng motor Co., Ltd	68.901	1.537.809.769	6.340.661	142.740.308.239
Jinan sinoauto heavy duty truck sales Co.,Ltd	-	-	321.300	7.244.351.100
Doanh nghiệp trong nước	-	2.624.726.298	-	9.804.825.250
Cộng	68.901	4.162.536.067	6.661.961	159.789.484.589

9. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	318.629.831.834		57.158.862.779	
Thành phẩm	22.496.093.092		40.597.106.418	
Hàng hóa	120.461.996.884	1.587.679.383	115.880.778.299	1.316.463.817
Hàng gửi bán			256.163.356.262	
Chi phí SXKD dở dang	434.566.200			
Cộng	462.022.488.010	1.587.679.383	469.800.103.758	1.316.463.817

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			-
Tại 01/01/2016	7.758.664.002	343.216.798	8.101.880.800
Tăng trong năm	205.598.415	-	205.598.415
Mua trong năm	205.598.415	-	205.598.415
Giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Tại 30/09/2016	7.964.262.417	343.216.798	8.307.479.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2016	803.414.816	243.303.721	1.046.718.537
Khấu hao trong năm	783 576 070	13.950.000	797.526.070
Thanh lý, nhượng bán			-
Tại 30/09/2016	1.586.990.886	257.253.721	1.844.244.607
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	6.955.249.186	99.913.077	7.055.162.263
Tại 30/09/2016	6.377.271.531	85.963.077	6.463.234.608

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Shiyan Pingyun Industrial and trade Co Ltd	42.239,5	940.627.415		
Doanh nghiệp trong nước		2.034.950.500		
Cộng	42.239,5	2.975.577.915	-	-

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	19.134.155.547	17.143.589.220
Khách lẻ	1.270.000.000	580.650.000
Cộng	20.404.155.547	17.724.239.220

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Prukha International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Phải trả khác	7.877.000	172.440.550
Cộng	47.081.897.000	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Prukha International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu :

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ký quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000		12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000		-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-		-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền					(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-		6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	336.800.928.956	336.800.928.956
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ					-	-
Giảm khác	-	(579.781.457)		-	(2.000.000)	(581.781.457)
Tại 01/01/2016	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	140.260.035.729	2.615.269.242.306
Lợi nhuận trong kỳ	-	-		-	134.044.886.221	134.044.886.221
Tăng vốn trong năm	300.000.000.000	15.000.000.000				315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	116.536.350.000				(116.536.350.000)	-
Giảm khác	-	(241.085.952)		-	-	(241.085.952)
Tăng giảm cổ phiếu ký quỹ	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Tại 30/09/2016	2.747.440.630.000	139.290.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	157.768.571.950	3.021.990.534.429

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ*Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu*

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

Đến ngày 30/06/2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 41.653.635 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 416.536.350.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 2.330.904.280.000 đồng lên thành 2.747.440.630.000 đồng).

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/04/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	720.159.545.423	1.435.756.186.209
Doanh thu hoạt động khác	51.670.908	738.458.182
Cộng	720.211.216.331	1.436.494.644.391

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	636.120.502.561	1.212.835.788.323
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	314.179.994	626.383.278
Cộng	636.434.682.555	1.213.462.171.601

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	39.733.168.334	13.245.426.881
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh	23.058.595.606	57.474.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.701.600	595.488.944
Cộng	62.825.465.540	71.314.915.825

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01 đến 30/09/2016	Từ 01/01 đến 30/09/2015
	VND	VND
Lãi vay phải trả	487.500.000	5.766.082.215
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	97.672.800	5.250.011.678
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.411.500.360)	960.000.000
Cộng	(826.327.560)	11.976.093.893

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)	318.580,50	1583,07
Cộng	318.580,50	1583,07

20. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 như sau:

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	354.399.907.294	101.617.218.167	264.194.090.870	720.211.216.331
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	354.348.236.386	101.617.218.167	264.194.090.870	720.159.545.423
- Doanh thu dịch vụ, hoạt động khác	51.670.908			51.670.908
2. Giá vốn	304.192.537.342	91.826.770.739	240.415.374.474	636.434.682.555
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	303.878.357.348	91.826.770.739	240.415.374.474	636.120.502.561
- Doanh thu dịch vụ, hoạt động khác	314.179.994			314.179.994
3. Lợi nhuận gộp	50.207.369.952	9.790.447.428	23.778.716.396	83.776.533.776
- Bán hàng hóa, thành phẩm	50.469.879.038	9.790.447.428	23.778.716.396	84.039.042.862
- Doanh thu dịch vụ, hoạt động khác	(262.509.086)			(262.509.086)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Tại ngày 30/09/2016

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy

Nợ tiền hàng chưa thanh toán

655.000.000

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp

Ứng trước tiền mua hàng

100.000.000

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01 đến 30/09/2015 VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	25.828.900.000	59.460.309.183
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	38.316.000.000	57.474.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Ứng trước tiền mua hàng	100.000.000	22.707.500.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		
Giá trị thi công công trình bàn giao	-	19.778.706.197
Chi phí khác	762.519.765	-
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ	385.981.552	-

Số dư với các bên liên quan:

Tại ngày 30/09/2016

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy

Nợ tiền hàng chưa thanh toán

655.000.000

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp

Ứng trước tiền mua hàng

100.000.000

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/09/2015

24. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 3 NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Từ cuối năm 2015 tới nay, tình hình thị trường kinh doanh ô tô tải nói chung có sự chững lại sau quá trình tăng trưởng mạnh của thời kỳ trước. Do vậy, doanh thu của công ty mẹ quý 3 đạt 172.775.170.903 đồng, giảm 62,9% so với quý 3 năm 2015.

Đây chính là lý do dẫn tới có sự chênh lệch (giảm trên 10%) lợi nhuận Công ty mẹ quý 3 năm 2016 so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận của Công ty mẹ quý 3 năm 2016 đạt 21.251.139.738 đồng, giảm 70,0% so với quý 3 năm 2015.



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 10 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

